

Bản án số:255/2018/DS-PT
Ngày: 25 - 7 - 2018
V/v tranh chấp:“Hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp;

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum;
Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLPT- DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 175/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y – sinh năm 1962 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D (tên thường gọi Bảy Èo) – sinh năm 1948 (có mặt);

Cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người làm chứng:*

3.1. Chị NLC1 – sinh năm 1972;

Cư trú tại: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Bà NLC2 – sinh năm 1963;

Cư trú tại: Khu phố A, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Bà NLC3 – sinh năm 1964;

Cư trú tại: Ấp P, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Bà NLC4 – sinh năm 1961;

Cư trú tại: Ấp B, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.5. Chị NLC5 – sinh năm 1974;

Cư trú tại: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Những người làm chứng đều vắng mặt)

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị D (tên thường gọi Bảy Èo)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Y trình bày: Bà D có tham gia 02 dây hội do bà làm chủ hội cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất khai ngày 15/7/2011, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, có 36 phần, bà D tham gia 01 phần. Bà D đóng được 03 kỳ hội sống đến kỳ khai hội thứ 4 thì bà D đã hốt hội. Sau đó bà D đóng được 16 kỳ hội chết và còn nợ lại bà 16 kỳ hội chết với số tiền là 16.000.000 đồng, dây hội này đã mãn vào tháng 7/2014.

- Dây thứ hai khai ngày 15/01/2013, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, có tất cả 21 phần, bà D tham gia 01 phần. Bà D đóng được 01 kỳ hội sống thì đến kỳ khai hội thứ 2 bà D đã hốt hội với số tiền là 40.460.000 đồng. Sau khi hốt hội, bà D đóng được cho bà 03 kỳ hội chết với số tiền là 9.000.000 đồng thì ngưng cho đến khi hội mãn vào tháng 9/2014.

Khi bà D hốt dây hội thứ hai khai ngày 15/01/2013 thì giữa bà với bà D đã thỏa thuận cản trừ số tiền hội bà D hốt được trong dây hội này với số tiền bà D còn nợ bà 16.000.000 đồng trong dây hội khai ngày 15/7/2011. Sau khi cản trừ bà Y đã giao cho bà Cảnh Phượng số tiền hội là 24.460.000 đồng (bà Phượng là bà con của bà D được bà D nhờ nhận tiền hốt hội). Do đó, trong dây hội khai ngày 15/7/2011, loại hội 1.000.000 đồng/tháng bà D không còn nợ tiền hội của bà mà bà D còn nợ bà 16 kỳ hội chết trong dây hội 3.000.000 đồng/tháng với số tiền là 48.000.000 đồng.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng bà D đã trả cho bà Cảnh Phượng là người tham gia chơi cùng trong dây hội này, bà Y đồng ý cản trừ số tiền bà D đã trả cho bà Cảnh Phượng vào số tiền hội chết bà D còn nợ bà. Hiện nay bà D còn nợ bà số tiền hội chết là 45.000.000 đồng.

Dây hội mà bà D tham gia chơi đã mãn chứ không phải bị bẻ nên bà không đồng ý cho bà D trả tiền vốn đã hốt theo ý kiến của bà D, bà Y yêu cầu bà D trả cho bà số tiền hội 45.000.000 đồng, thực hiện trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà có tham gia 02 dây hội do bà Y làm chủ hội, trong đó dây hội khai ngày 15/7/2011, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội này bà còn nợ bà Y số tiền hội chết là 16.000.000 đồng và giữa bà với bà Y đã thỏa thuận cần trừ vào số tiền hội mà bà đã hót trong dây hội khai ngày 15/01/2013, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, nên trong dây hội này bà không còn nợ tiền hội chết của bà Y.

Dây hội khai ngày 15/01/2013, loại hội 3.000.000 đồng/tháng. Trong dây hội này bà đóng được 01 kỳ hội sống và đến kỳ khai hội thứ 2 thì bà đã hót với số tiền là 40.460.000 đồng, sau khi hót hội bà đã đóng được 03 kỳ hội chết và trả cho bà Cảnh Phượng là người tham gia chơi cùng trong dây hội này số tiền 3.000.000 đồng (bà đã trả cho bà Cảnh Phượng vào tháng 6/2017 thời điểm bà đã nghe nói bà Y bị bể hội). Dây hội này khi tham gia bà không biết hết tất cả các hội viên, bà chỉ biết một số người như 8 Lùng, Út Trinh, Sáu Phượng (Cảnh Phượng), Thuận Thu, Phụng Phong. Sau này bà tìm hiểu thì được biết 8 Lùng và Phụng Phong không có tham gia trong dây hội theo như danh sách hội viên mà bà Y đã giao cho bà. Bà không biết bà Y bị bể hội vào thời gian nào nhưng theo bà thì dây hội bà tham gia đã bị bể chứ không phải hội mãi như lời trình bày của bà Y.

Bà đã hót của bà Y số tiền là 40.460.000 đồng và bà đã đóng lại cho bà Y tổng số tiền là 12.000.000 đồng hội chết, sau khi cần trừ thì bà chỉ còn nợ lại bà Y số tiền 28.460.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 28.460.000 đồng và bà xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

* Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng chị NLC1 trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng với bà Y hay bà D. Chị có tham gia chơi trong dây hội khai ngày 15/01/2013 do bà Y làm chủ hội, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, chị không nhớ dây hội có tất cả bao nhiêu phần nhưng chị có tham gia 01 phần, khi chơi hội bà Y có giao cho chị danh sách hội viên nhưng chị không còn giữ. Trong dây hội này chị ít đi khai hội và chị không biết bà D có tham gia chơi cùng trong dây hội này hay không. Dây hội này chị không biết là mãi hay bể vì chị không đi khai, đến kỳ đóng hội bà Y đến thu tiền thì chị đóng. Phần hội chị tham gia chị cũng chưa kêu hót và bà Y vẫn còn thiếu tiền của chị trong dây hội này.

* Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng bà NLC2 trình bày: Bà không nhớ là bà có tham gia chơi trong dây hội khai ngày 15/01/2013 loại hội 3.000.000 đồng/tháng do bà Y làm chủ hội hay không vì giấy tờ hội bà Y giao cho bà, bà đã bỏ hết rồi. Khi bà Y tuyên bố bể hội, bà xem như giữa bà với bà Y hai bên không ai nợ ai. Trước đây bà Y có tổ chức chơi hội rồi bị bể hội, sau đó bà Y tổ chức chơi lại và bị bể hội tiếp, trong lần bể hội lần thứ 2 thì có bà tham gia và bà Y tuyên bố bể hội vào năm 2016.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà NLC3 trình bày: Bà có tham gia chơi trong dây hội khai ngày 15/01/2013 do bà Y làm chủ, loại hội 3.000.000 đồng/tháng, bà không nhớ có bao nhiêu phần nhưng bà có tham gia chơi 02 phần. Khi tham gia chơi hội bà có đi tham gia khai 01 – 02 lần, khi đi khai hội bà có

gặp bà D tức là bà 7 Èo đi khai hụi nhưng bà không biết bà D có tham gia chơi trong dây hụi này hay không vì giấy tờ chơi hụi hiện nay bà đã không còn giữ. Cả 02 phần hụi bà tham gia trong dây hụi này bà đã hốt, bà Y giao hụi đầy đủ cho bà và dây hụi này đã mãn vào năm 2014.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng bà NLC4 trình bày: Bà có tham gia chơi trong dây hụi khai ngày 15/01/2013 do bà Y làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, bà không nhớ có tất cả bao nhiêu phần nhưng bà tham gia 01 phần. Bà biết bà D có tham gia chơi trong dây hụi này vì khi bà hốt hụi thì bà Y xin thiếu lại 01 tháng do bà D không đóng hụi cho bà, nếu bà Y không trả thì tháng cuối cùng bà D sẽ không gom hụi của bà. Dây hụi này bà không biết bị bể hay hụi mãn nhưng sau khi hốt hụi bà đã đóng tiền hụi chết cho bà Y đầy đủ, hiện nay bà không còn nợ tiền hụi chết của bà D.

* Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng chị NLC5 trình bày: Chị có tham gia chơi trong dây hụi khai ngày 15/01/2013 do bà D làm chủ, loại hụi 3.000.000 đồng/tháng, dây hụi này chị không nhớ bà D có tham gia chơi cùng không nhưng phần hụi chị tham gia chị đã hốt và dây hụi này đã mãn lâu rồi nên chị không nhớ là mãn vào thời gian nào.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Y đồng ý cần trừ số tiền 3.000.000 đồng mà bà D đã trả cho bà Cảnh Phượng vào số tiền 48.000.000 đồng tiền hụi mà bà D còn nợ bà (do bà D còn nợ bà Cảnh Phượng số tiền 3.000.000 đồng trong dây hụi này). Bà Y yêu cầu bà D trả số tiền còn lại là 45.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà D trình bày: Bà khẳng định dây hụi ngày 15/01/2013 âm lịch mà bà tham gia do bà Y làm chủ hụi là hụi bể chứ không phải hụi mãn. Nay bà đồng ý trả cho bà Y số tiền 28.460.000 đồng sau khi đã cần trừ số tiền bà đã đóng hụi chết là 12.000.000 đồng vào số tiền 40.460.000 đồng mà bà đã hốt, bà D xin trả dần mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

Bản án dân sự sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định:

- Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả số tiền nêu trên thì bà D phải trả tiền lãi cho bà Y theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí: Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Y số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38870 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/5/2018 bị đơn Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 92/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, yêu cầu Tòa án tỉnh Tiền Giang cho bà được trả cho bà Y số tiền 28.460.000 đồng vì trước đó bà có đưa cho bà Y 12.000.000 đồng (4 tháng).

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, tại phiên tòa phúc thẩm bà thừa nhận có chơi hụi, hốt hụi và còn nợ lại số tiền hụi chết mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là 45.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày, nhưng bà đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét cho bà trả 40.460.000 đồng là số tiền bà hốt hụi vì bà cho rằng hụi này bị bể chứ không mất, không thực hiện trả nợ theo số tiền hụi chết, và trả thành nhiều lần, mỗi tháng với số tiền 300.000 đồng. Với lý do, tuổi cao, không có thu nhập gì khác ngoài tiền con cháu cho và tiền trợ cấp của nhà nước nên không có khả năng trả một lần với số tiền 45.000.000 đồng còn nợ. Ngoài ra, bà cũng không cung cấp bổ sung chứng cứ gì khác.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, tiếp tục giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung án sơ thẩm đã xét xử, yêu cầu hội đồng xét xử buộc bà D trả số tiền nợ hụi là 45.000.000 đồng và không đồng ý với đề nghị của bà D cho trả mỗi tháng 300.000 đồng đến khi hết nợ. Nguyên đơn xác định các dây hụi bà D chơi đều đã mất, không bị bể hụi như bà D trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án dân sự tranh chấp giữa các đương sự bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị D là có căn cứ đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2018/DS-ST ngày 24/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng góp hui là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm qua lời trình bày của các đương sự đều xác định giữa bà Y và bà D có phát sinh quan hệ tranh chấp nợ hui, bà D thừa nhận có chơi hai dây hui của bà Y làm chủ và đã hót, được thể hiện:

+ Dây hui loại 1.000.000 đồng sau khi hót bà D còn nợ hui chết của bà Y số tiền 16.000.000 đồng tương đương với 16 kỳ phải đóng hui chết.

+ Dây hui loại 3.000.000 đồng, bà D hót được 40.460.000 đồng, nên bà cần trừ số tiền nợ dây hui trước là 16.000.000 đồng, còn lại 24.460.000 đồng bà thỏa thuận với bà Y là trả số tiền 24.460.000 đồng cho con gái của bà D tên là Cảnh Phượng, bà Y đã giao đủ, bà D cũng thừa nhận việc này.

+ Số tiền hui chết loại hui 3.000.000 đồng bà D chưa đóng là 16 kỳ x 3.000.000 đồng = 48.000.000 đồng, ngoài ra bà Y còn phải trả cho bà Cảnh Phượng là con của của bà D số tiền 3.000.000 đồng là tiền nợ hui của bà Y với bà Cảnh Phượng, bà D đồng ý cần trừ số tiền này vào số tiền nợ hui mà bà D còn thiếu bà Y, nên số tiền nợ hui mà bà D còn phải trả cho bà Y là 45.000.000 đồng.

[3] Nhận thấy về số tiền tham gia chơi hui, hót hui, giao hui và cần trừ nợ giữa các đương sự đều thống nhất với nhau, do đó có căn cứ xác định việc bà D còn nợ bà Y số tiền là 45.000.000 đồng. Xét thấy việc tham gia chơi hui giữa các đương sự là tự nguyện, chủ hui là bà Y đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi bà D hót hui, bà Y đã giao đủ tiền, về nguyên tắc bị đơn sau khi hót hui phải có trách nhiệm đóng hui chết cho chủ hui, nhưng bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ dẫn đến còn nợ chủ hui 45.000.000 đồng, tại phiên tòa bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn được trả phần tiền đã hót là không có căn cứ, làm ảnh hưởng đến quyền và ích hợp pháp của nguyên đơn, trong khi đó nguyên đơn đã không yêu cầu tính lãi với số tiền nợ là có lợi cho bị đơn. Bị đơn cho rằng hiện tuổi cao sức yếu, không có thu nhập gì khác ngoài tiền con cháu cho, tiền trợ cấp của địa phương hàng tháng, nhưng đây không phải là căn cứ để xem xét cho bị đơn giảm nợ và thời gian trả nợ như bị đơn yêu cầu kháng cáo.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì khác để bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho mình, cũng không tự thỏa thuận được với nguyên đơn về các yêu cầu của mình. Do đó, cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn do đã vi phạm nghĩa vụ nợ hui, theo quyết định của bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Do bị đơn là người cao tuổi (70 tuổi) quy định tại Điều 2, Luật người cao tuổi và có đơn xin miễn toàn bộ án phí, nên bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2018/DS-ST ngày 24/04/2018 của Tòa án nhân dân huyện G.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y đối với bà Nguyễn Thị D.

Buộc bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà D chậm trả số tiền nêu trên thì bà D phải trả tiền lãi cho bà Y theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Nguyễn Thị Y số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 38870 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị D được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-L

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Hoàng Hiệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Sum - Nguyễn Thị Sâm Hương

Lê Hoàng Hiệp